TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 –ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **19**/2026/DS-ST
Ngày 09-3-2026
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hà

Bà Trần Thị Hoa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng*** tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 284/2025/TLST- DS ngày 14 tháng 10 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2026/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2026/QĐST-DS ngày 09/02/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V (V1).**

Trụ sở: Số H L, phường Đ, TP Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP V (theo Văn bản ủy quyền số 30/2025/UQN-CTQT ngày 28/7/2025; Văn bản ủy quyền số 051524.08/2025/UQN- VPB ngày 26/8/2025):

1/ Ông **Lê Văn T,** chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ V1

2/ Ông **Nguyễn Văn C,** chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ V1 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ngân hàng TMCP V chi nhánh Đ, tầng 4, số A P, phường H, TP Đà Nẵng.

- Bị đơn: Chị **Võ Thị Thanh N,** sinh năm: 2000 (vắng mặt)

Địa chỉ: K456/25 T, tổ D, phường A, TP Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; các văn bản trình bày; các Biên bản hòa giải và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP V ông Nguyễn Văn C trình bày:

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện cho Ngân hàng TMCP V (V1 **)** tôi vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại đơn khởi kiện và Bản tự khai có trong hồ sơ vụ án. Cụ thể:

Chị Võ Thị Thanh N vay vốn của V1 như sau:

Theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số LN2010152899606 ngày 15/10/2020. Chị N vay:

- Hạn mức tín dụng thẻ: 10.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười triệu đồng)
- Loại thẻ: V1.
- Lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân là 3,99%/tháng.
- Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
- Quá trình thực hiện hợp đồng chị N đã thực hiện tổng số tiền giao dịch là 120.971.178 đồng; đã trả được số tiền 66.550.786 đồng (trong đó nợ gốc 62.198.556 đồng; nợ lãi 4.352.230 đồng)

Quá trình thực hiện Hợp đồng trên, chị Võ Thị Thanh N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V1 từ ngày 30/10/2022 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

Theo Hợp đồng cho vay số LD2127901637 ngày 06/10/2021.

- Số tiền cho vay: 77.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi bảy triệu đồng)
- Thời hạn cho vay: 60 tháng.
- Mục đích sử dụng vốn vay: Phục vụ nhu cầu đời sống
- Ngày giải ngân: 06/10/2021
- Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 24%
- Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Quá trình thực hiện Hợp đồng trên, chị Võ Thị Thanh N đã trả được tổng số tiền là: 22.547.597 đồng (Trong đó: trả nợ gốc số tiền là: 7.270.788đồng; trả nợ lãi số tiền là: 15.277.009 đồng)

- Quá trình thực hiện Hợp đồng trên, chị Võ Thị Thanh N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V1 từ ngày 14/09/2022 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

Theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi số 11889999979 ngày 07/10/2021

-Hạn mức thấu chi: 22.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi hai triệu đồng).

-Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi: 12 tháng.

-Mục đích sử dụng vốn vay: Phục vụ nhu cầu đời sống

- Ngày giải ngân: 07/10/2021

-Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 24%.

-Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Quá trình thực hiện hợp đồng chị N đã thực hiện tổng số tiền giao dịch là 39.714.613 đồng; chị Võ Thị Thanh N đã trả được tổng số tiền 22.722.223 đồng (trong đó nợ gốc là: 96.189 đồng; nợ lãi là 22.626.034 đồng).

- Quá trình thực hiện Hợp đồng trên, chị Võ Thị Thanh N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V1 từ ngày 08/10/2022 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

- Quá trình thực hiện các Hợp đồng trên, chị Võ Thị Thanh N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V1 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng. V1 đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện về mặt thời gian để thanh toán nợ, tuy nhiên, chị Võ Thị Thanh N vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Dư nợ các khoản vay, tạm tính đến ngày **09/3/2026** của chị Võ Thị Thanh N tại V1 là:

+Tiền nợ gốc theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số LN2010152899606 ngày 15/10/2020 là 9.891.119 đồng và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 09/3/2026 là 44.529.273 đồng, tổng nợ gốc và lãi là 54.420.392 đồng;

+Tiền nợ gốc theo Hợp đồng cho vay số LD2127901637 ngày 06/10/2021 là 69.729.212 đồng và nợ lãi trong hạn tính đến ngày 09/3/2026 là 944.303 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 09/3/2026 là 92.377.546 đồng, tổng nợ gốc và lãi là 163.051.061 đồng;

+Tiền nợ gốc theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi số 11889999979 ngày 07/10/2021 là 21.903.811 đồng và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 09/3/2026 là 26.983.095 đồng, tổng nợ gốc và lãi là 48.886.906 đồng.

Tổng cộng nợ gốc và lãi của các hợp đồng là **266.358.359** đồng (Hai trăm sáu mươi sáu triệu, ba trăm năm mươi tám ngàn, ba trăm năm mươi chín đồng) (nợ gốc 101.524.142 đồng, nợ lãi trong hạn 944.303 đồng, nợ lãi quá hạn 163.889.914 đồng).

Theo nội dung đơn khởi kiện thì Ngân hàng TMCP V (V1) khởi kiện yêu cầu chị Võ Thị Thanh N phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 26/8/2025 theo các hợp đồng gồm: Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 15/10/2020; Hợp đồng cho vay ngày 06/10/2021; Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi ngày 07/10/2021 là: **225.785.459** đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu, bảy trăm tám mươi lăm ngàn, bốn trăm năm mươi chín đồng) Trong đó: nợ gốc khoản vay là **91.633.023** đồng; nợ lãi khoản vay tính đến ngày 26/8/2025 là **91.053.066** đồng; nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 26/8/2025 là **43.099.370** đồng và đề nghị chị N phải thanh toán tiếp số tiền nợ

lãi phát sinh theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày chị N thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, ngân hàng đề nghị chị Võ Thị Thanh N phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc và lãi được điều chỉnh đến ngày xét xử 09/3/2026 theo các hợp đồng gồm: Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số LN2010152899606 ngày 15/10/2020; Hợp đồng cho vay số LD2127901637 ngày 06/10/2021; Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi số 11889999979 ngày 07/10/2021 tổng cộng là **266.358.359** đồng (Hai trăm sáu mươi sáu triệu, ba trăm năm mươi tám ngàn, ba trăm năm mươi chín đồng) (nợ gốc 101.524.142 đồng, nợ lãi trong hạn 944.303 đồng, nợ lãi quá hạn 163.889.914 đồng). Cụ thể trong đó: Tiền nợ gốc theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số LN2010152899606 ngày 15/10/2020 là 9.891.119 đồng và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 09/3/2026 là 44.529.273 đồng, tổng nợ gốc và lãi là 54.420.392 đồng; Tiền nợ gốc theo Hợp đồng cho vay số LD2127901637 ngày 06/10/2021 là 69.729.212 đồng và nợ lãi trong hạn tính đến ngày 09/3/2026 là 944.303 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 09/3/2026 là 92.377.546 đồng, tổng nợ gốc và lãi là 163.051.061 đồng; T1 nợ gốc theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi số 11889999979 ngày 07/10/2021 là 21.903.811 đồng và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 09/3/2026 là 26.983.095 đồng, tổng nợ gốc và lãi là 48.886.906 đồng.

Và buộc chị Võ Thị Thanh N có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 10/3/2026 cho đến khi thanh toán xong dư nợ gốc theo lãi suất quy định tại các Hợp đồng.

**Bị đơn chị Võ Thị Thanh N đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa để chị N trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng tại tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng cho đến ngày mở phiên tòa hôm nay chị N vẫn vắng mặt và không cung cấp lời khai cho Tòa án.*

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo trừ bị đơn chị Võ Thị Thanh N.

Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị Võ Thị Thanh N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2. Căn cứ quy định tại khoản 2 điều 227 BLTTDS đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt chị Võ Thị Thanh N.

Về nội dung: Căn cứ quy định tại Điều 357, 428, 429, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 3 và khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 1 Điều 8 TT01/2019 ngày 11/01/2019; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với chị Võ Thị Thanh N. Buộc chị Võ Thị Thanh N phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền

nợ gốc, nợ lãi được điều chỉnh tính đến ngày xét xử 09/3/2026 tổng cộng là **266.358.359** đồng, trong đó: nợ gốc **101.524.142** đồng, nợ lãi trong hạn tính đến ngày 09/3/2026 là **944.303** đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 09/3/2026 là **163.889.914** đồng. Và buộc chị Võ Thị Thanh N có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 10/3/2026 cho đến khi trả hết khoản nợ vay theo lãi suất quy định tại các Hợp đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm chị N phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng thụ lý giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với chị Võ Thị Thanh N và Tòa án đã thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của Ngân hàng là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Võ Thị Thanh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn chị Võ Thị Thanh N.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng TMCP V (V1) khởi kiện yêu cầu chị Võ Thị Thanh N phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 26/8/2025 theo các hợp đồng gồm: Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 15/10/2020; Hợp đồng cho vay ngày 06/10/2021; Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi ngày 07/10/2021 là: 225.785.459 đồng(Hai trăm hai mươi lăm triệu, bảy trăm tám mươi lăm ngàn, bốn trăm năm mươi chín đồng) Trong đó: nợ gốc khoản vay là 91.633.023 đồng; nợ lãi khoản vay tính đến ngày 26/8/2025 là 91.053.066 đồng; nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 26/8/2025 là 43.099.370 đồng và đề nghị chị N phải thanh toán tiếp số tiền nợ lãi phát sinh theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày chị N thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng xác định lại số tiền nợ gốc, nợ lãi mà Ngân hàng TMCP V yêu cầu chị Võ Thị Thanh N phải thanh toán tính đến ngày xét xử 09/3/2026 được điều chỉnh có tăng thêm, cụ thể: Tổng cộng nợ gốc và lãi là 266.358.359 đồng (Hai trăm sáu mươi sáu triệu, ba trăm năm mươi tám ngàn, ba trăm năm mươi chín đồng) (nợ gốc 101.524.142 đồng, nợ lãi trong hạn 944.303 đồng, nợ lãi quá hạn 163.889.914 đồng). Trong đó: Tiền nợ gốc theo Giấy đề nghị kiêm hợp

đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số LN2010152899606 ngày 15/10/2020 là 9.891.119 đồng và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 09/3/2026 là 44.529.273 đồng, tổng nợ gốc và lãi là 54.420.392 đồng; Tiền nợ gốc theo Hợp đồng cho vay số LD2127901637 ngày 06/10/2021 là 69.729.212 đồng và nợ lãi trong hạn tính đến ngày 09/3/2026 là 944.303 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 09/3/2026 là 92.377.546 đồng, tổng nợ gốc và lãi là 163.051.061 đồng; T1 nợ gốc theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi số 11889999979 ngày 07/10/2021 là 21.903.811 đồng và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 09/3/2026 là 26.983.095 đồng, tổng nợ gốc và lãi là 48.886.906 đồng.

HĐXX xét thấy:

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Võ Thị Thanh N để triệu tập đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng chị N vẫn không đến Tòa án theo triệu tập do vậy chị N không có lời khai cung cấp cho Tòa án được.

[2.3] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Chị Võ Thị Thanh N và Ngân hàng TMCP V có ký các hợp đồng tín dụng cụ thể là: Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 15/10/2020; Hợp đồng cho vay ngày 06/10/2021; Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi ngày 07/10/2021.

Theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số LN2010152899606 ngày 15/10/2020. Chị N vay:

- Hạn mức tín dụng thẻ: 10.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười triệu đồng)
- Thời hạn vay: 60 tháng
- Mục đích vay: vay tiêu dùng cá nhân
- Ngày giải ngân:16/10/2020
- Loại thẻ: V1.
- Lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân là 3,99%/tháng.
- Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
- Quá trình thực hiện hợp đồng chị N đã thực hiện tổng số tiền giao dịch là 120.971.178 đồng; đã trả được số tiền 66.550.786 đồng (trong đó nợ gốc 62.198.556 đồng; nợ lãi 4.352.230 đồng)

Quá trình thực hiện Hợp đồng trên, chị Võ Thị Thanh N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V1 từ ngày 30/10/2022 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng.

Theo Hợp đồng cho vay số LD2127901637 ngày 06/10/2021.

- Số tiền cho vay: 77.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi bảy triệu đồng)

- Thời hạn cho vay: 60 tháng.
- Mục đích sử dụng vốn vay: Phục vụ nhu cầu đời sống
- Ngày giải ngân: 06/10/2021
- Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 24%
- Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Quá trình thực hiện Hợp đồng trên, chị Võ Thị Thanh N đã trả được tổng số tiền là: 22.547.597 đồng (Trong đó: trả nợ gốc số tiền là: 7.270.788đồng; trả nợ lãi số tiền là: 15.277.009 đồng)

- Quá trình thực hiện Hợp đồng trên, chị Võ Thị Thanh N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V1 từ ngày 14/09/2022 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng.

Theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi số 11889999979 ngày 07/10/2021

-Hạn mức thấu chi: 22.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi hai triệu đồng).

-Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi: 12 tháng.

-Mục đích sử dụng vốn vay: Phục vụ nhu cầu đời sống

- Ngày giải ngân: 07/10/2021

-Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 24%.

-Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Quá trình thực hiện hợp đồng chị N đã thực hiện tổng số tiền giao dịch là 39.714.613 đồng; chị Võ Thị Thanh N đã trả được tổng số tiền 22.722.223 đồng (trong đó nợ gốc là: 96.189 đồng; nợ lãi là 22.626.034 đồng).

Quá trình thực hiện Hợp đồng trên, chị Võ Thị Thanh N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V1 từ ngày 08/10/2022 nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của chị N và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (dư nợ) sang nợ quá hạn và chị N phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với chị N, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên chị N vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký. Do chị Võ Thị Thanh N vi phạm thỏa thuận về thanh toán được quy định tại bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng nên Ngân hàng TMCP V chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và Ngân hàng khởi kiện để yêu cầu chị

N phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng tính đến thời điểm xét xử 09/3/2026 là phù hợp quy định tại Điều 428 Bộ luật Dân sự 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng xác định lại số tiền nợ gốc và lãi mà Ngân hàng TMCP V khởi kiện đề nghị Tòa án buộc chị N phải thanh toán tính đến ngày xét xử 09/3/2026 được điều chỉnh có tăng thêm, cụ thể:

+Tiền nợ gốc theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số LN2010152899606 ngày 15/10/2020 là 9.891.119 đồng và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 09/3/2026 là 44.529.273 đồng, tổng nợ gốc và lãi là 54.420.392 đồng;

+Tiền nợ gốc theo Hợp đồng cho vay số LD2127901637 ngày 06/10/2021 là 69.729.212 đồng và nợ lãi trong hạn tính đến ngày 09/3/2026 là 944.303 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 09/3/2026 là 92.377.546 đồng, tổng nợ gốc và lãi là 163.051.061 đồng;

+Tiền nợ gốc theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi số 11889999979 ngày 07/10/2021 là 21.903.811 đồng và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 09/3/2026 là 26.983.095 đồng, tổng nợ gốc và lãi là 48.886.906 đồng.

Tổng cộng nợ gốc và lãi của các hợp đồng là 266.358.359 đồng (Hai trăm sáu mươi sáu triệu, ba trăm năm mươi tám ngàn, ba trăm năm mươi chín đồng) (nợ gốc 101.524.142 đồng, nợ lãi trong hạn 944.303 đồng, nợ lãi quá hạn 163.889.914 đồng).

[2.4] Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. HĐXX thấy có đủ cơ sở để áp dụng Điều 357, 428,429,463,466,468,470 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 3 và khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V, buộc chị Võ Thị Thanh N phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử 09/3/2026 là **266.358.359 đồng** (trong đó nợ gốc 101.524.142 đồng, nợ lãi trong hạn 944.303 đồng, nợ lãi quá hạn 163.889.914 đồng) là đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Kể từ ngày 10/3/2026, chị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 15/10/2020; Hợp đồng cho vay ngày 06/10/2021; Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi ngày 07/10/2021 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng được ký kết giữa chị Võ Thị Thanh N với Ngân hàng TMCP V cho đến khi chị N thanh toán xong khoản nợ.

[2.5] Án phí dân sự sơ thẩm chị Võ Thị Thanh N phải chịu là 13.317.917 đồng (Mười ba triệu, ba trăm mười bảy ngàn, chín trăm mười bảy đồng).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 5.644.636 đồng (Năm triệu, sáu trăm bốn mươi bốn ngàn, sáu trăm ba mươi sáu đồng) cho Ngân hàng TMCP V

[2.6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng đề nghị: Căn cứ quy định tại Điều 357, 428, 429, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 3 và khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Khoản 1 Điều 8 TT01/2019 ngày 11/01/2019; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với chị Võ Thị Thanh N. Buộc chị Võ Thị Thanh N phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc, nợ lãi được điều chỉnh tính đến ngày xét xử 09/3/2026 tổng cộng là 266.358.359 đồng, trong đó: nợ gốc 101.524.142 đồng, nợ lãi trong hạn tính đến ngày 09/3/2026 là 944.303 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 09/3/2026 là 163.889.914 đồng. Và buộc chị Võ Thị Thanh N có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 10/3/2026 cho đến khi trả hết khoản nợ vay theo lãi suất quy định tại các Hợp đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm chị N phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP V.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 357, 428,429,463,466,468,470 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 3 và khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019
- Điều 147, khoản 2 Điều 227, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với chị Võ Thị Thanh N về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

- Buộc chị Võ Thị Thanh N phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử 09/3/2026 tổng cộng là **266.358.359** đồng (Hai trăm sáu mươi sáu triệu, ba trăm năm mươi tám ngàn, ba trăm năm mươi chín đồng). Trong đó nợ gốc nợ gốc **101.524.142** đồng, nợ lãi trong hạn tính đến ngày 09/3/2026 là **944.303** đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 09/3/2026 là **163.889.914** đồng.

Kể từ ngày 10/3/2026, chị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 15/10/2020; Hợp đồng cho vay ngày 06/10/2021; Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi ngày 07/10/2021 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng được ký kết giữa chị Võ Thị Thanh N với Ngân hàng TMCP V cho đến khi chị N thanh toán xong khoản nợ.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Võ Thị Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.317.917 đồng (Mười ba triệu, ba trăm mười bảy ngàn, chín trăm mười bảy đồng).

-Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 5.644.636 đồng (Năm triệu, sáu trăm bốn mươi bốn ngàn, sáu trăm ba mươi sáu đồng) đã nộp theo các biên lai thu số 00003259 và biên lai thu số 00003297 cùng ngày 09/10/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

III. Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

IV. Ngân hàng TMCP V có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng chị Võ Thị Thanh N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND khu vực 3- Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 3- Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh N1

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận*:**
- VKSND khu vực 3- Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 3- Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**